

Số: 04 /2015/NQ-HĐND

Đồng Xoài, ngày 30 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả
bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA VIII - KỶ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 18/6/2015; Báo cáo thẩm tra số 17/ BC-HĐND-PC ngày 10/7/2015 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 – 2020.

(có Đề án kèm theo).

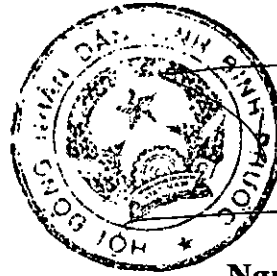
Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *nh*

- UBND, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH, UBND, Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh, Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Hưng

Nguyễn Tấn Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Nâng cao chất lượng hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

MỞ ĐẦU

Bình Phước là tỉnh trung du miền núi thuộc miền Đông Nam bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; có 07 huyện, 03 thị xã với 92 xã/111 xã, phường, thị trấn, 748 thôn, ấp, sóc/864 khu phố, thôn, ấp, sóc; có 67 xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự theo Quyết định số 2456/QĐ-BCA(V28) ngày 07/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an; diện tích tự nhiên 687.154 ha; có đường biên giới dài 260,4 km, 15 xã biên giới thuộc 3 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập tiếp giáp với 3 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, 01 cửa khẩu quốc tế, 02 cửa khẩu quốc gia và nhiều đường tiểu ngạch qua lại; dân số toàn tỉnh 241.526 hộ, 1.007.699 nhân khẩu, trong đó có 16.821 hộ, 69.405 nhân khẩu tạm trú từ các tỉnh đến làm ăn sinh sống; mật độ dân số 147 người/km². Trong nội địa giáp với các tỉnh Đắc Nông, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh; có 41 dân tộc anh em cư trú trên địa bàn, dân tộc thiểu số chiếm 19,7%, tôn giáo chiếm 19% dân số. Toàn tỉnh có 3.900 doanh nghiệp, 09 khu công nghiệp với 90 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó có 55 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), 03 nhà máy thủy điện, 07 công ty cao su (do trung ương và tỉnh quản lý), 46 cơ quan cấp tỉnh, 06 trung tâm cai nghiện, 829 cơ sở thờ tự, 319 chức sắc tôn giáo; thu nhập bình quân năm 2014 là 39,05 triệu đồng/người; dân số ở địa bàn nông thôn chiếm hơn 80% toàn tỉnh.

Trong những năm qua, lực lượng Công an xã của tỉnh không ngừng lớn mạnh, trưởng thành về nhiều mặt, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở, đóng góp quan trọng vào nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong tình hình mới, công tác của lực lượng Công an nói chung và Công an xã nói riêng đang đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn từ tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường và tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, ngày càng diễn biến phức tạp; những diễn biến căng thẳng về tình hình Biển Đông trong thời gian gần đây làm phát sinh một số vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh trật tự, đặc biệt là ở các khu công nghiệp có vốn đầu tư của

Trung Quốc, công nhân biểu tình, tuần hành phản ứng trước việc Trung Quốc hạ đặt dàn khoan trái phép tại thềm lục địa của Việt Nam đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh xã hội; các vụ việc mâu thuẫn phát sinh và khiếu kiện đất đai ở nông thôn chưa được giải quyết kịp thời.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ an ninh trật tự của lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 – 2020”, nhằm từng bước xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã vững mạnh về mọi mặt, hướng tới chuyên nghiệp, ổn định lâu dài, nâng cao năng lực, sức chiến đấu, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn các xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân và nông thôn cũng như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

PHẦN I

Cơ sở pháp lý và thực trạng công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã trong thời gian qua

1.1. Cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án:

- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
- Luật An ninh quốc gia ngày 03/12/2004;
- Luật Công an nhân dân ngày 29/11/2005;
- Luật Cư trú ngày 29/11/2006;
- Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008;
- Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
- Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, chế độ chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

- Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

1.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự ở địa bàn các xã:

1.2.1. Công tác phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh trật tự:

Thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, lực lượng Công an các cấp đã tích cực, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự và các tình huống bị động, bất ngờ.

Tuy nhiên, công tác tham mưu, hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện còn tồn tại hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên lĩnh vực an ninh chính trị: Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” nhằm chống phá cách mạng nước ta; các tổ chức phản động người Việt lưu vong, tổ chức Fulro và các đảng phái phản động khác luôn tìm cách móc nối, tài trợ, kích động, lôi kéo những phần tử bất mãn, cơ hội, cán bộ thoái hóa, biến chất nhằm gây bất ổn về chính trị; các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật còn xảy ra phức tạp.

Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp với tính chất, mức độ ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn. Năm 2013 đã xảy ra 910 vụ phạm pháp hình sự làm chết 33 người, 198 người bị thương, thiệt hại tài sản hơn 10 tỷ đồng, tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2012 (901/876 vụ). Tổng số vụ phạm pháp hình sự năm 2014 là 906 vụ (giảm 0,43% so với cùng kỳ năm 2013), thiệt hại: làm chết 30 người, bị thương 124 người và tài sản trị giá khoảng 25 tỷ đồng.

Trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông: Năm 2013 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 428 vụ tai nạn, làm chết 189 người, bị thương 468 người; lực lượng chức năng đã lập biên bản 93.773 trường hợp vi phạm, phạt tiền hơn 50 tỷ đồng. Trong đó địa bàn các xã xảy ra 192 vụ (giảm 30,2% so với năm 2012), làm chết 91 người, bị thương 215 người. Năm 2014 trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 332 vụ tai nạn, làm chết 163 người, bị thương 371 người; lực lượng chức

năng đã khởi tố 57 vụ - 57 bị can, lập biên bản, xử phạt hành chính 85.529 trường hợp vi phạm, phạt tiền hơn 58 tỷ đồng; tại địa bàn các xã xảy ra 167 vụ, làm chết 94 người, bị thương 236 người.

1.2.2. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc:

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”, Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở các cấp đã được củng cố, kiện toàn. Phong trào ngày càng phát triển sâu rộng, từng bước đổi mới về nội dung, hình thức tổ chức thực hiện, vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị được phát huy; công tác xây dựng, nhân rộng mô hình “tự quản, tự phòng, tự bảo vệ an ninh trật tự”, xây dựng, củng cố lực lượng nòng cốt, nhất là Tổ an ninh nhân dân được chú trọng, qua đó tranh thủ được các nguồn lực trong nhân dân, từng bước đưa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển theo phương châm “xã hội hóa” công tác đảm bảo an ninh trật tự.

Bên cạnh những mặt tích cực, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc thời gian qua vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa được phát huy đầy đủ; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa hiệu quả, chậm đổi mới về nội dung, hình thức; công tác phối kết hợp giữa các ban, ngành trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc chưa đồng bộ, chặt chẽ; lực lượng Công an xã chưa được xây dựng, củng cố ngang tầm với nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn cơ sở trong tình hình mới.

1.3. Thực trạng lực lượng Công an xã:

1.3.1. Tổ chức:

Tính đến tháng 12/2014, tổng số lực lượng Công an xã có 1.659 đồng chí, trong đó: Trưởng Công an xã có 86 đồng chí, Phó Công an xã có 163 đồng chí, Công an viên thường trực có 253 đồng chí, Công an viên thôn, ấp có 1157 đồng chí; lực lượng Công an chính quy được điều động đảm nhận chức danh Trưởng Công an xã ở địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự là 27 đồng chí (trong đó có 12 xã xây dựng nông thôn mới). Hiện nay còn thiếu 06 Trưởng Công an xã, 21 Phó Trưởng Công an xã, 23 Công an viên thường trực và 339 Công an viên thôn, ấp.

*** Trình độ:**

- Trưởng Công an xã:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học (34,8%), cao đẳng (4,6%), trung cấp (50%), sơ cấp (4,6%), chưa qua đào tạo (6 %);

+ Học vấn: Trung học phổ thông (97,6%), Trung học cơ sở (2,4%);

+ Lý luận chính trị: Cao cấp (thuộc diện quy hoạch cấp ủy, chính quyền địa phương là 3,4%), trung cấp (58,1%), sơ cấp (15,1%), chưa qua đào tạo (23,4%);

- Phó trưởng Công an xã:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học (11,04%), cao đẳng (1,22%), trung cấp (52,76%), chưa qua đào tạo (34,98%);

+ Lý luận chính trị: trung cấp (32,5%), sơ cấp (16%), chưa qua đào tạo (51,5%);

- Công an viên:

+ Trình độ chuyên môn: Đại học (1,41 %), cao đẳng (1,7%), trung cấp (1,89 %), chưa qua đào tạo (95%);

+ Lý luận chính trị: trung cấp (1,48%), sơ cấp (1,27%), chưa qua đào tạo (97,25%);

1.3.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ:

Từ năm 2006 đến nay, trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã mở 01 lớp đào tạo sơ cấp nghiệp vụ cho 75 đồng chí, 02 lớp đào tạo trung cấp nghiệp vụ cho 141 đồng chí; 01 lớp trung cấp lý luận chính trị cho 63 đồng chí là Trưởng, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn cho các chức danh trên.

Thực hiện Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28/5/2009 của Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện Công an xã hàng năm, từ năm 2009 đến năm 2014 đã có 5.653 lượt đồng chí Công an xã được bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, trong đó 367 lượt đồng chí cấp Trưởng, 511 lượt đồng chí cấp Phó, 492 đồng chí Công an viên thường trực và 4.283 lượt đồng chí Công an viên thôn, ấp.

1.3.3. Về chế độ chính sách đối với lực lượng Công an xã:

Hiện nay lực lượng Công an xã được hưởng lương, phụ cấp hàng tháng, phụ cấp đặc thù, hỗ trợ ngày công lao động và tiền ăn khi làm nhiệm vụ thường trực 24/24 tại xã theo quy định của Chính phủ và của tỉnh, trong đó:

- Trưởng Công an xã hưởng lương và các chế độ, chính sách khác theo chức danh công chức cấp xã (mức lương hàng tháng phụ thuộc vào bằng cấp, thâm niên). Cụ thể lương hàng tháng như sau:

+ Đại học: hệ số khởi điểm 2.34; 03 năm tăng 01 bậc với hệ số 0.33;

+ Trung cấp: hệ số khởi điểm 1.86; 02 năm tăng 01 bậc với hệ số 0.2;

+ Chưa có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ: hệ số 1.75 (nếu là thành viên Ủy ban nhân dân); sau nhiệm kỳ 5 năm nếu được bầu thì tăng lên hệ số 2.25;

Trưởng Công an xã được hưởng phụ cấp đặc thù mỗi tháng bằng 30% mức lương hiện hưởng;

- Phó Công an xã: Phụ cấp hàng tháng 1.370.000 đồng + phụ cấp đặc thù bằng 20% mức phụ cấp hiện hưởng = 1.644.000 đồng/tháng;

- Công an viên thường trực: Phụ cấp hàng tháng bằng 1.0 mức lương tối thiểu + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng + hỗ trợ ngày công lao động bằng 0.05 mức lương tối thiểu/ngày + hỗ trợ tiền ăn bằng 0,01 mức lương tối thiểu/ngày = 3.565.000 đồng/tháng;

- Công an viên thôn, ấp: Phụ cấp hàng tháng bằng 0,6 mức lương tối thiểu + phụ cấp đặc thù bằng 30% phụ cấp hiện hưởng = 897.000 đồng/tháng;

Ngoài ra, khi đồng chí Trưởng, Phó Công an xã và Công an viên ở thôn, ấp được cấp có thẩm quyền quyết định điều động làm nhiệm vụ thường trực thì được hưởng trợ cấp ngày công lao động và hỗ trợ tiền ăn như Công an viên thường trực (63.000đồng/ngày). Phó Công an xã, Công an viên thường trực ở một số xã được đóng bảo hiểm y tế, trong đó Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ 3%, cá nhân đóng 1,5% mức lương tối thiểu/tháng.

1.4. Thực trạng đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác:

1.4.1. Nơi làm việc:

Trong tổng số 92 Ban Công an xã có:

- 03 Ban Công an xã có trụ sở làm việc riêng;
- 72 Ban Công an xã có nơi làm việc riêng;
- 17 Ban Công an xã bố trí phòng làm việc chung với Trụ sở Ủy ban nhân dân xã;

Trong đó:

- 44 Ban Công an xã cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác;
- 48 Ban Công an xã có nơi làm việc chật hẹp, xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Trong đó: 42 Ban Công an xã cần phải được sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc, 06 Ban Công an xã có nơi làm việc là nhà khung thép, mái tôn chật hẹp, xuống cấp nghiêm trọng, cần phải được đầu tư, xây dựng mới.

1.4.2. Trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ:

*** Phương tiện:**

- 83/92 Ban Công an xã được trang bị bộ máy vi tính;
- 26/92 Ban Công an xã có ti vi;
- 84/92 Ban Công an xã có điện thoại bàn;
- 27/92 Ban Công an xã có máy fax;
- 92 Ban Công an xã chưa được trang bị máy photocopy.

*** Công cụ hỗ trợ:**

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân và Công an các xã đã tranh thủ nhiều nguồn kinh phí để mua sắm, trang bị công cụ hỗ trợ phục vụ công tác của lực lượng Công an xã, cụ thể:

- 77 Ban Công an xã tự trang bị được 162 khẩu súng bắn đạn cao su (thiếu 30 khẩu để trang bị cho 15 xã còn lại);

- 46 Ban Công an xã tự trang bị được 86 dùi cui điện (thiếu 92 chiếc dùi cui điện để trang bị cho 46 xã còn lại).

1.4.3. Kinh phí hoạt động:

Kinh phí hoạt động của Công an xã hiện nay bao gồm: Kinh phí hoạt động theo lương, phụ cấp và ngân sách Ủy ban nhân dân các xã hỗ trợ thêm, Quỹ An ninh - Quốc phòng... Tùy vào điều kiện của mỗi địa phương nên mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Công an xã cũng khác nhau.

Khảo sát tại 14 xã thuộc 04 huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Đồng Phú cho kết quả như sau: Công an xã có mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cao nhất là 66.000.000 đồng/năm; Công an xã có mức hỗ trợ kinh phí thấp nhất là 6.000.000 đồng/năm; trung bình là 25.000.000 đồng/năm. Với mức kinh phí hoạt động trung bình như trên chưa đủ để đáp ứng yêu cầu công tác của lực lượng Công an xã hiện nay.

1.5. Nhận xét, đánh giá:

1.5.1. Ưu điểm:

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm chỉ đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động trên lĩnh vực an ninh trật tự; lực lượng Công an nói chung, lực lượng Công an xã nói riêng đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp chủ động nắm và giải quyết có hiệu quả tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm đến công tác xây dựng lực lượng Công an xã, tạo chuyển biến tích cực về chính trị, pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm với công việc, thái độ phục vụ nhân dân, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ... Đó là những điều kiện cơ bản để lực lượng Công an xã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

1.5.2. Tồn tại:

- Một số địa phương, cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã; chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới;

- Việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ công tác chưa đi vào chiều sâu như: công tác quản lý, giáo dục đối tượng, giáo dục người vi phạm pháp luật tại cộng đồng; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy; quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; công tác giữ gìn trật tự an toàn giao thông; quản lý cư trú;

- Một bộ phận Công an xã chưa thực sự an tâm công tác; chưa nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, xa rời quần chúng nhân dân, vi phạm quy trình công tác, đạo đức, lối sống dẫn tới bị xử lý kỷ luật;

- Lực lượng Công an xã luôn biến động về nhân sự, việc tuyển chọn gặp khó khăn; việc quy hoạch, sử dụng Công an xã, nhất là số Công an xã đã qua đào tạo nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, chưa mang tính kế thừa, ổn định. Trong tổng số 141 Trường, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn được đào tạo trung cấp nghiệp vụ đã có 31 trường hợp chuyển ngành (02 Trường, 08 phó, 21 công an viên). Tính riêng trong năm 2014 đã có 95 trường hợp xin thôi việc (04 Phó, 91 công an viên), 03 trường hợp chuyển ngành (03 trường). Một số công an xã sau khi được đào tạo trở về địa phương bố trí công tác khác dẫn đến đào tạo thì nhiều nhưng phục vụ công tác thì bị hao hụt; đặc biệt sau Đại hội Đảng bộ cơ sở, một số Trường Công an xã chuyển sang vị trí công tác khác;

- Chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã còn thấp, chưa phù hợp với đặc thù công tác; một số chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ khám, chữa bệnh, trợ cấp ốm đau, thương tật...đối với Công an xã chưa được thực hiện do chưa có hướng dẫn thực hiện của Trung ương. Tính bình quân thu nhập của một Công an xã trong 01 năm là 22.870.000 đồng, thấp hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân theo đầu người của tỉnh là 41.000.000 đồng/năm;

- Biên chế lực lượng Công an xã hiện còn thiếu so với quy định và yêu cầu đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở, đặc biệt là lực lượng Công an viên thôn, ấp (thiếu 339 đồng chí);

- Cơ sở vật chất, trang bị phương tiện đi lại, công cụ hỗ trợ, kinh phí phục vụ cho hoạt động của lực lượng Công an xã còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, làm ảnh hưởng đến sức chiến đấu của lực lượng này, trong khi đó, tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ có biểu hiện gia tăng. Từ khi tái thành lập tỉnh đến nay đã có 02 Công an xã hy sinh, 10 Công an xã bị thương trong khi thi hành nhiệm vụ nhưng được giải quyết chế độ chính sách rất chậm và hạn chế;

Những hạn chế, tồn tại nêu trên là nguyên nhân trực tiếp làm ảnh hưởng đến năng lực, sức chiến đấu của lực lượng Công an xã, chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn xã.

PHẦN II

Mục tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự của lực lượng Công an xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2015 - 2020

2.1. Dự báo tình hình:

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trên

thế giới nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định; xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp, căng thẳng; tình hình tranh chấp tại Biển Đông tiếp tục được dư luận quan tâm và có tác động tiêu cực tới tình hình an ninh trật tự. Trong nước nói chung và tỉnh Bình Phước nói riêng, tình hình kinh tế - xã hội có sự phục hồi nhưng còn gặp nhiều khó khăn; các thế lực thù địch, phản động sẽ tăng cường thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình” với nhiều phương thức, thủ đoạn nhằm “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ đảng viên ở cơ sở và những bức xúc trong xã hội diễn biến phức tạp; các vấn đề dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện liên quan đến đất đai chưa giải quyết dứt điểm là những yếu tố sẽ gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự. Tình hình tội phạm, đặc biệt là tội trộm cắp, tội phạm trong thanh thiếu niên tiếp tục diễn biến theo chiều hướng trẻ hóa và phức tạp; thiên tai, dịch bệnh và các tai, tệ nạn xã hội luôn xảy ra ở địa bàn nông thôn. Đây là mối quan tâm lớn của toàn xã hội.

2.2. Mục tiêu, yêu cầu:

2.2.1. Mục tiêu:

2.1.2.1. Mục tiêu chung:

- Kiện toàn tổ chức một cách khoa học, hợp lý về số lượng và chất lượng, đảm bảo xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở trong tình hình mới;

- Đảm bảo chính sách, điều kiện, phương tiện, trang thiết bị làm việc của lực lượng Công an xã.

2.2.2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

+ 78 % xã đạt chuẩn tiêu chí về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (tiêu chí 19 về xây dựng nông thôn mới);

+ 100 % Trưởng, Phó Công an xã và Công an viên dự nguồn chức danh trên đạt chuẩn trình độ từ trung cấp nghiệp vụ và trung cấp chính trị hành chính trở lên;

+ 85 % số xã kiểm chế hoặc giảm tội phạm, tệ nạn xã hội theo các năm;

+ 100 % xã có mô hình tự quản về an ninh trật tự...

2.2.2. Yêu cầu:

- Kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã với đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; củng cố nâng cao chất lượng, hiệu quả của các tổ chức nòng cốt; tranh thủ vận động người có uy tín trong cộng đồng và các tầng lớp nhân dân trong việc đảm bảo an ninh trật tự, góp phần thực hiện thắng lợi Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” và Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”;

- Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó lực lượng Công an xã làm nòng cốt trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn các xã; từng bước xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, từng bước hiện đại, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trong tình hình mới, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

2.3. Một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn các xã:

2.3.1. Giải pháp về xây dựng lực lượng Công an xã đến năm 2020:

2.3.1.1. Về tuyển dụng:

Hàng năm có kế hoạch quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã đảm bảo ổn định lâu dài, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn các xã. Trong đó, ưu tiên tuyển chọn chiến sĩ đã phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và chiến sỹ thực hiện nghĩa vụ quân sự đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương tham gia lực lượng Công an xã; những người có năng khiếu, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với lực lượng Công an xã, góp phần hạn chế tình trạng xin chuyển ngành, thôi việc trong lực lượng Công an xã hiện nay.

Việc tuyển chọn người vào Công an xã phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của Chính phủ và Bộ Công an, Bộ Nội vụ và quy định của tỉnh; đảm bảo cơ cấu hợp lý về trình độ, độ tuổi, dân tộc, tỉ lệ nữ; tùy vào điều kiện của từng địa phương có thể điều chỉnh tiêu chuẩn khi tuyển dụng Công an xã, nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn theo quy định.

2.3.1.2. Về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ:

2.3.1.2.1. Đào tạo nghiệp vụ, chính trị:

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các trường Công an nhân dân, Trường Chính trị tỉnh đào tạo trung cấp nghiệp vụ, trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho Công an xã. Mục tiêu trong giai đoạn 2015 - 2020 mở 01 lớp Trung cấp nghiệp vụ và 01 lớp Trung cấp chính trị - hành chính cho Trưởng, Phó Công an xã và cán bộ dự nguồn cho các chức danh Trưởng, Phó trưởng Công an xã (hiện nay đang đào tạo 01 lớp Trung cấp nghiệp vụ Công an xã).

Dự toán kinh phí để tổ chức đào tạo nghiệp vụ, chính trị cho lực lượng Công an xã giai đoạn 2015 - 2020 là **2.445.100.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng).

2.3.1.2.2. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an xã:

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28/5/2009 của Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện Công an xã, hàng năm, Công an tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã toàn tỉnh đảm bảo về thời gian, nội dung, chương trình huấn luyện, bồi dưỡng theo quy định của Bộ Công an.

Kinh phí chi cho công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ Công an xã hàng năm do Bộ Công an cấp.

2.3.1.3. Về bố trí, sử dụng:

- Xã loại I: 67 xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự (Quyết định số 2456/QĐ-BCA-V28 ngày 07/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an);

- Xã loại II: 25 xã còn lại;

Tại Ban Công an xã có 06 đồng chí: 01 Trưởng Công an xã; 02 Phó Công an xã và 3 Công an viên thường trực; tại mỗi thôn, ấp được bố trí không quá 02 Công an viên.

2.3.1.4. Về chế độ chính sách và kinh phí hoạt động:

2.3.1.4.1. Về chế độ chính sách:

Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các quy định hiện hành về chế độ tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với Công an xã, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với đặc thù công tác của Công an xã và điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh.

2.3.1.4.2. Về kinh phí hoạt động:

Quy định mức kinh phí hoạt động tối thiểu của Công an xã như sau:

- Xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự: 6.500.000 đồng/tháng/xã;
- Các xã còn lại: 4.500.000 đ/tháng/xã”;

Kinh phí hoạt động của Công an xã thực hiện theo cấp quản lý ngân sách hiện hành, do ngân sách các huyện, thị xã bố trí vào dự toán chi hàng năm của ngân sách xã.

Theo mức kinh phí trên, kinh phí hoạt động của Công an 92 xã trong 01 năm là: 6.576.000.000 đồng.

So với mức kinh phí hoạt động như hiện nay của Công an 92 xã trong 01 năm là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), thì phần kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm hằng năm là: 4.276.000.000 đồng.

Do đó phần kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm trong 5 năm thực hiện đề án là: 21.380.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng).

2.3.1.5. Về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác:

2.3.1.5.1. Trụ sở, nơi làm việc:

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, các địa phương bố trí đất, kinh phí để xây dựng trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở theo Quyết định số 147/1999/QĐ-TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Nghị định số 25/2006/NĐ-CP ngày 10/3/2006 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân. Trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã bao gồm 07 phòng, cụ thể: 01 phòng làm việc của Trưởng Công an xã

(diện tích 12 m²); 01 phòng họp (diện tích 24 m²); 01 phòng giải quyết thủ tục hành chính, tiếp dân (diện tích 24 m²); 01 phòng tạm giữ tang vật, phương tiện (diện tích 12 m²); 02 phòng tạm giữ hành chính (01 phòng dành cho nam, 01 phòng dành cho nữ, mỗi phòng có diện tích 9 m²); 01 phòng trực và nghỉ ngơi, sinh hoạt của Công an viên thường trực (diện tích 12 m²).

Lộ trình và khái toán kinh phí thực hiện như sau:

- Xây dựng mới: Năm 2017 xây 08 nhà làm việc cho 08 Ban Công an của các huyện Đồng Phú, Bù Đốp, Chơn Thành, Lộc Ninh, Bù Gia Mập, Bù Đăng (Hiện nay là nhà tạm) đảm bảo có các phòng chức năng nêu trên. Khái toán kinh phí xây dựng mới nhà làm việc cho 08 Ban Công an xã là: 601.149.120 đồng/nhà x 08 nhà = 4.809.192.960 đồng (Bốn tỷ tám trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi đồng);

- Nâng cấp, sửa chữa:

+ Năm 2018: Sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc cho 24 Ban Công an xã thuộc các huyện: Đồng Phú, Chơn Thành, Hớn Quản. Trong đó 15 nhà làm việc cần kinh phí nâng cấp, sửa chữa là 150.000.000 đồng/nhà x 15 nhà = 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng); 09 nhà cần kinh phí sửa chữa, nâng cấp là 200.000.000 đồng/nhà x 9 nhà = 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng). Kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2018 là: 4.050.000.000 đồng (Bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng);

+ Năm 2019: Sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc cho 18 Ban Công an xã thuộc các huyện: Bù Đăng, Bù Đốp. Trong đó 10 nhà làm việc cần kinh phí nâng cấp, sửa chữa là 150.000.000 đồng/nhà x 10 nhà = 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); 08 nhà cần kinh phí sửa chữa, nâng cấp là 200.000.000 đồng/nhà x 8 nhà = 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2019 là: 3.100.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm triệu đồng).

Tổng kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc cho Công an xã là: 11.959.192.960 đồng (Mười một tỷ chín trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

2.3.1.5.2. Trang bị hồ sơ, sổ sách, bàn, ghế và các trang, thiết bị, phương tiện của Công an xã:

- Trang bị các loại hồ sơ, tủ đựng hồ sơ, bàn, ghế, sổ sách cho Công an cấp xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu công tác;

- Trang cấp cho Công an các xã không có các phương tiện, thiết bị để phục vụ yêu cầu công tác. Cụ thể: Năm 2016 trang bị 09 bộ máy vi tính, 09 máy in, 65 máy fax, 03 máy photô (các xã có trụ sở riêng, xa Ủy ban nhân dân xã). (Việc trang bị căn cứ theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an);

Dự toán kinh phí mua sắm, trang bị phương tiện liên lạc, máy vi tính, máy in cho lực lượng Công an xã là 405.000.000 (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng).

2.3.1.5.3. Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã:

Đề nghị Bộ Công an trang cấp vũ khí, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an xã theo Thông tư số 43/2013/TT-BCA ngày 15/10/2013 của Bộ Công an. Thực hiện việc quản lý, sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ của Công an xã theo quy định. Các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ bao gồm: Súng trường, súng tiểu liên (trang bị cho 67 xã trọng điểm, phức tạp trên địa bàn tỉnh), súng bắn đạn cao su, hơi cay, dùi cui điện, bình xịt hơi cay, găng tay bắt dao, khóa số 8, áo giáp, gậy nhựa, dùi cui cao su.

2.3.1.5.4. Về trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã:

Kinh phí mua sắm trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã bình quân mỗi năm khoảng 1.600.000.000 đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Kinh phí này hiện nay đang được chi từ nguồn ngân sách của tỉnh.

2.3.2. Tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về an ninh trật tự địa bàn các xã:

- Tổ chức thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo an ninh trật tự; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm và chấn chỉnh những thiếu sót hoặc kiến nghị những vấn đề có liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự cho phù hợp với chủ trương và diễn biến của tình hình. Trọng tâm là tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả quy định của pháp luật về cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, chứng minh nhân dân, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, quản lý các loại đối tượng hình sự, ma túy, người mãn hạn tù về địa phương nhằm mục đích phòng ngừa vi phạm pháp luật, ngăn chặn tội phạm có thể xảy ra ở địa bàn xã;

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi có liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh trật tự ở địa bàn xã. Phát hiện sớm, giải quyết nhanh, thu hẹp vụ việc không để lan rộng, phức tạp, đây là nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh trật tự hiện nay và với phương châm giải quyết các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, lấy vận động, thuyết phục, giáo dục là chính nhưng giữ vững nguyên tắc phải kiên quyết xử lý nghiêm những đối tượng quá khích, manh động, tổ chức, cầm đầu, kích động ...

2.3.3. Củng cố hệ thống chính trị ở địa bàn các xã để phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác đảm bảo an ninh trật tự:

- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh quy chế hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở xã; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng cơ chế thực hiện phát huy quyền làm chủ, quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân; xác định rõ vai trò, phạm vi trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhân dân, tổ chức xã hội trong công tác đảm bảo an ninh trật tự theo tinh thần Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới", Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc

trong tình hình mới” và các chương trình, kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự của từng cấp, từng tổ chức, từng khu dân cư và trách nhiệm của từng thành viên trong hệ thống chính trị về công tác này;

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, nắm chắc và giải quyết kịp thời những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; phổ biến, nhân rộng những mô hình, điển hình và kinh nghiệm hay trong việc giải quyết những tình huống cụ thể ở cơ sở;

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban tổ chức thực hiện phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc cấp xã; củng cố các lực lượng nòng cốt như Tổ An ninh nhân dân, Đội - Tổ dân phòng, Đội Thanh niên xung kích và các mô hình phòng chống tội phạm hoạt động có hiệu quả; vận động cơ quan, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí, hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

2.3.4. Nâng cao hiệu quả các biện pháp công tác ở địa bàn xã:

Lực lượng Công an các cấp tiếp tục triển khai áp dụng đồng bộ các biện pháp công tác Công an đã được quy định để bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn các xã. Tập trung vào những nhiệm vụ sau:

- Làm tốt công tác nắm tình hình có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa bàn các xã để chủ động triển khai, áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự nảy sinh, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến khiếu kiện đông người, an ninh nông thôn, an ninh xã hội;

- Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc phù hợp với từng địa bàn dân cư cụ thể; gắn chặt với các phong trào khác ở địa phương. Chú trọng xây dựng, củng cố phong trào ở địa bàn các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; tổng kết nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, phát huy sức mạnh của nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn các xã;

- Sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Công an, đặc biệt là công tác dân vận để chủ động phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh làm thất bại những hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã.

2.3.5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an xã với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, và các lực lượng khác.

PHẦN III

Kinh phí thực hiện đề án

Tổng kinh phí thực hiện đề án trong 05 năm là **36.229.292.960** (*Ba mươi sáu tỷ hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi đồng*). Trong đó:

- Kinh phí để tổ chức đào tạo nghiệp vụ, chính trị cho lực lượng Công an xã là **2.445.100.000 đồng** (*Hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng*), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên của tỉnh;

- Kinh phí sơ kết, tổng kết Đề án là: **40.000.000 đồng** (*Bốn mươi triệu đồng*), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên hàng năm của tỉnh;

- Kinh phí hoạt động cần bổ sung thêm trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020 là: **21.380.000.000 đồng** (*Hai mươi một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng*), được chi từ nguồn ngân sách thường xuyên của tỉnh;

- Kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc cho Công an xã là: **11.959.192.960 đồng** (*Mười một tỷ chín trăm năm mươi chín triệu một trăm chín mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi đồng*). Ủy ban nhân các huyện, thị xã chủ động ngân sách hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ ngân sách xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp trụ sở, nhà làm việc của Ban Công an xã;

- Kinh phí mua sắm, trang bị phương tiện liên lạc, máy vi tính, máy in cho lực lượng Công an xã là **405.000.000** (*Bốn trăm lẻ năm triệu đồng*), do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã cân đối.

PHẦN IV

Tổ chức thực hiện

Đề án thực hiện từ năm 2016 đến năm 2020. Hàng năm tổ chức sơ kết đánh giá tiến độ thực hiện đề án. Cuối năm 2018 tiến hành sơ kết giai đoạn 1; cuối năm 2020 tiến hành tổng kết Đề án. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, các ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện và phân đầu hoàn thành mục tiêu trước thời hạn.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn các xã trong tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2015 - 2020 là một chủ trương phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) và nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; thực hiện thắng lợi Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2020.

Việc triển khai thực hiện Đề án nhằm từng bước đưa công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn của tỉnh đi vào nề nếp, góp phần quan trọng ngăn chặn, đẩy lùi những nguy cơ gây mất ổn định về an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân.



PHỤ LỤC 1

Kinh phí sơ - tổng kết thực hiện Đề án

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Nguồn ngân sách
1	Sơ kết Đề án	20.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Tổng kết thực hiện Đề án	20.000.000	Ngân sách tỉnh
TỔNG		40.000.000	Ngân sách tỉnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Kinh phí đào tạo Công an xã giai đoạn 2015 – 2020
(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung thực hiện	Kinh phí	Nguồn ngân sách	Ghi chú
Trung cấp chính trị - hành chính (Khóa 2016 - 2018)	644.000.000	Ngân sách tỉnh	Mỗi lớp dự kiến khoảng 92 học viên
Trung cấp nghiệp vụ (Khóa 2018 - 2020)	1.801.100.000		
TỔNG	2.445.100.000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

Kinh phí hoạt động của Công an xã

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30 /7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

Đơn vị tính: Đồng

Loại xã	Mức hỗ trợ trung bình hiện nay/năm/xã	Mức hỗ trợ theo đề án/năm/xã	Mức chênh lệch trong 01 năm/xã	Số xã	Số năm	Mức chênh lệch trong 5 năm	Nguồn ngân sách
Trọng điểm, phức tạp về ANTT	25.000.000	78.000.000	53.000.000	67	5	17.755.000.000	Ngân sách tỉnh
Loại II	25.000.000	54.000.000	29.000.000	25	5	3.625.000.000	
TỔNG						21.380.000.000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

Kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc của Công an xã
(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số lượng (nhà)	Số tiền đầu tư	Thành tiền	Nguồn ngân sách
01	Xây mới	08	601.149.120	4.809.192.960	Các huyện, thị xã chủ động cân đối, tỉnh hỗ trợ
02	Nâng cấp, sửa chữa	17	200.000.000	3.400.000.000	
		25	150.000.000	3.750.000.000	
Tổng				11.959.192.960	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5

Kinh phí mua sắm phương tiện phục vụ công tác của Công an xã
(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên phương tiện	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Nguồn ngân sách
1	Máy vi tính	7.000.000	09 bộ	63.000.000	Các huyện, thị xã cân đối
2	Máy in	3.000.000	09 cái	27.000.000	
3	Máy fax	3.000.000	65 cái	195.000.000	
4	Máy photô	40.000.000	03 cái	120.000.000	
TỔNG				405.000.000	

* Ghi chú: Thanh toán theo đơn giá thực tế tại thời điểm mua.



PHỤ LỤC 6

Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Đề án

(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 04 /2015/NQ-HĐND ngày 30/7/2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: đồng

S T T	Nội dung	Năm					TỔNG
		2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sơ ,tổng kết đề án			20.000.000		20.000.000	40.000.000
2	Đào tạo nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã	644.000.000		1.801.100.000			2.445.100.000
3	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác	405.000.000					405.000.000
4	Tăng thêm kinh phí hoạt động	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	4.276.000.000	21.380.000.000
5	Kinh phí xây dựng, nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc		4.809.192.960	4.050.000.000	3.100.000.000		11.959.192.960
6	TỔNG	5.325.000.000	9.085.192.960	10.147.100.000	7.376.000.000	4.296.000.000	36.229.292.960